|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0608.N.LĐVL**  *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*  Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng 02 năm sau | **SỐ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**  Năm:……….. | Đơn vị báo cáo:  Đơn vị nhận báo cáo:  Cục Quản lý lao động ngoài nước |

*Đơn vị tính: người*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Tổng số** | ***Trong đó: Nữ*** |
| A | B | 1 | 2 |
| **Tổng số** | ***01*** |  |  |
| ***Chia theo trình độ chuyên môn***  - Phổ thông (không qua đào tạo nghề)  - Qua đào tạo nghề  - Cao đẳng, đại học trở lên | 02  021  022  023 |  |  |
| **Chia theo khu vực thị trường**  - Châu Âu  - Châu Á  *Trong đó:*  *+**Đài Loan*  *+ Nhật Bản*  *+ Hàn Quốc*  - Châu Phi  - Châu Mỹ  - Châu Úc | 03  031  032  033  034  035 |  |  |
| **Chia theo ngành nghề**  - Nông nghiệp, Lâm Nghiệp và Thủy sản  - Sản xuất, chế tạo  - Xây dựng  - Dịch vụ  - Các ngành khác | 04  041  042  043  044 |  |  |
| **Chia theo nhóm tuổi** | 06 |  |  |
| - Từ 30 trở xuống | 061 |  |  |
| - Từ 31 đến 40 | 062 |  |  |
| - Từ 41 đến 50 | 063 |  |  |
| - Từ 51 đến 60 | 064 |  |  |
| - Trên 60 tuổi | 065 |  |  |

**Biểu số: 0608.N.LĐVL. Số người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Số người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong năm theo hợp đồng là những người thỏa mãn khái niệm nêu trên trong kỳ báo cáo.

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1 ghi tổng số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trong kỳ theo hợp đồng tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A trên cơ sở báo cáo thống kê của các doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cả nước.

Cột 2 là số lao động nữ đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trong kỳ theo hợp đồng tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A.

**3. Nguồn số liệu**

Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.